

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-12-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Long Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ánh D, sinh năm 1995; nơi thường trú: 894/34/1, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Châu Sơn H, sinh năm 1994; nơi thường trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Ánh D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ánh D và anh Châu Sơn H chung sống năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyền số do Ủy ban nhân dân

phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22 tháng 11 năm 2018. Hôn nhân tự nguyện.

Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Châu Đăng K, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2019. Con chung hiện đang sống với chị D tại 894/34/1, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 4 năm 2023. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H ngoại tình và có hành vi bạo lực với chị D. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 5/2024 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị D yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Theo biên bản xác minh, Công chức Tư pháp xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương cung cấp như sau: Chị D và anh H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do chị D và anh H không trình báo nên địa phương không có thông tin.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Ánh D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Châu Sơn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng

Dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thư ký tuân theo Điều 51 và Điều 237 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị D và anh H chung sống với nhau từ năm 2018 và đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 22/11/2018, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2023 nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ngoại tình và thường xuyên đánh đập chị D dẫn đến mâu thuẫn gia đình trầm trọng không thể hàn gắn. Hiện cả hai đã ly thân từ tháng 5/2024 cho tới nay. Xét thấy, chị D và anh H là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của Chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của Chị D đối với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống cả hai có một người con chung là cháu Châu Đăng K, sinh ngày 20/9/2019. Con chung hiện đang sống chung với chị D. Chị D mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét thấy, cháu K đang sinh sống ổn định với chị D,

chị D yêu cầu nuôi con chung là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị D và anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Châu Sơn H có nơi cư trú tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Ánh D khởi kiện anh Châu Sơn H, yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Nguyễn Ánh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Châu Sơn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ánh D và anh Châu Sơn H là hôn nhân hợp pháp. Chị D yêu cầu ly hôn anh H do vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, hiện không còn sống chung với nhau. Có cơ sở xác định hôn nhân của chị D, anh Hoàng L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị D yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Ánh D và anh Châu Sơn H có 01 con là cháu Châu Đăng K, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2019. Con chung hiện đang sống với chị D tại ấp H, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Xét,

chị D có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ánh D và anh Châu Sơn H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Ánh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ánh D đối với bị đơn anh Châu Sơn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ánh D và anh Châu Sơn H.

Về nuôi con chung: giao cháu Châu Đăng K, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2019 cho chị Nguyễn Ánh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ánh D và anh Châu Sơn H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Ánh D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003728 ngày 07 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ánh Tuyết**